TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 134/2026/DS-ST Ngày: 08-5-2026 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguỵ Thanh Tuyên

Ông Nguyễn Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên tòa*:* Ông Vũ Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); trụ sở: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Ngọc Q – Trưởng Phòng XLN Trung tâm THNKHDN & Xử lý nợ pháp lý, theo văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025

Đại diện theo uỷ quyền lại ông Vũ Ngọc Q: Bà Phạm Thị Thu T; ông Phạm Minh N, bà Trần Thu H và ông Nguyễn Thanh T1 – Chuyên viên xử lý nợ "vắng mặt".

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975 và bà Vũ Thị H1, sinh năm

1980; địa chỉ: Thôn C, xã G, tỉnh Ninh Bình; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25-9-2025 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 vay vốn của Ngân hàng V1 với các hợp đồng tín dụng số LN2304068842154 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2310300582) ngày 13/04/2023 vay số tiền 434.000.000 đồng thời hạn vay 48 tháng mục đích vay để bổ sung vốn, mở rộng kinh doanh sản xuất đồ gỗ và hợp đồng tín dụng số LN2402161811783 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2405101206) ngày 19/02/2024 số tiền vay 290.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay mua sắm đồ dùng gia đình. Để đảm bảo khoản vay, giữa Ngân hàng và các đương sự đã ký kết hợp đồng sau: Hợp đồng thế chấp số 8842154 ngày 12/4/2023 giữa V1 với ông Nguyễn Văn Đ đối với thửa đất số 29 tờ bản đồ số 23 tại xóm G, xã G, huyện G nay là xã G, tỉnh Ninh Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V1 từ ngày 15/7/2025 và tính đến ngày 08/12/2025 ông Đ, bà H1 đã trả cho V1 số tiền 453,279,107 đồng; Trong đó: Đối với LD2405101206: đã trả tổng: 93,746,304 đồng. Đối với LD2310300582: đã trả tổng 359,532,803 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng V1 theo các hợp đồng tín dụng số LN2304068842154 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2310300582) ngày 13/04/2023 và hợp đồng tín dụng số LN2402161811783 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2405101206) ngày 19/02/2024 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2026 là 437.666.382 đồng (trong đó nợ gốc là 392.941.000 đồng và nợ lãi 44.725.328 đồng)

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 còn phải trả toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 08/5/2026 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 không trả nợ đầy đủ cho V1, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho V1 là thửa đất số 29 tờ bản đồ số 23 tại xóm G, xã G, huyện G nay là xã G, tỉnh Ninh Bình thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 8842154 ngày 12/4/2023 giữa V1 với ông Nguyễn Văn Đ. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên không đủ để thu hồi khoản nợ cho V1, ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với V1 cho đến khi trả hết nợ. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 phải chịu án phí.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 qua xác minh ông Đ, bà H1 không có mặt tại địa phương, đi làm ăn xa. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập ông Đ, bà H1 đến Tòa án làm việc cho mẹ đẻ của ông Đ là bà Lê Thị M. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông Đ lên Tòa án làm việc, công nhận nội dung khởi kiện và đề nghị Tòa án cho vắng mặt

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác định người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ đề nghị vắng mặt; và bà Vũ Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà H1 phải trả số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2026 là 08/5/2026 là 437.666.382 đồng (trong đó nợ gốc là 392.941.000 đồng và nợ lãi 44.725.328 đồng) nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

[2] Về Hợp đồng tín dụng số LN2304068842154 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2310300582) ngày 13/04/2023 vay số tiền 434.000.000 đồng thời hạn vay 48 tháng mục đích vay để bổ sung vốn, mở rộng kinh doanh sản xuất đồ gỗ và hợp đồng tín dụng số LN2402161811783 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2405101206) ngày 19/02/2024 số tiền vay 290.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay mua sắm đồ dùng gia đình. Người đứng tên người vay trên hợp đồng là ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà H1.

Xét Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông Đ, bà H1 với V1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm giao kết các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất, phương thức trả nợ phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng 2010. Do đó, các hợp đồng

tín dụng nêu trên đã tuân thủ đúng quy định về nội dung và hình thức theo định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và ràng buộc quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là ông Đ, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; tính đến ngày 08-5-2026 ông Đ,bà H1 còn nợ Ngân hàng 08/5/2026 là 437.666.382 đồng (trong đó nợ gốc là 392.941.000 đồng và nợ lãi 44.725.328 đồng). Như vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Để đảm bảo khoản vay, giữa Ngân hàng và ông Đ, bà H1 đã ký hợp đồng thế chấp số 8842154 ngày 12-4-2023. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, có nội dung rõ ràng về tài sản bảo đảm, phạm vi bảo đảm và quyền, nghĩa vụ của các bên; việc giao kết là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Tài sản thế chấp là thửa đất số 29 tờ bản đồ số 23 tại xóm G, xã G, huyện G nay là xã G, tỉnh Ninh Bình; Tài sản này thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Đ, bà H1 và được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ các hợp đồng tín dụng với V1.Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm dùng để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm và các nghĩa vụ tài chính khác. Do đó, khi ông Đ, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì V1 có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các bên đều hợp pháp, có hiệu lực. Ông Đ, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Yêu cầu của V1 về việc buộc ông Đ, bà H1 trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ, phù hợp pháp luật**.**

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V được chấp nhận nên ông Đ, bà H1 phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2304068842154 ngày 13-04-2023 và hợp đồng tín dụng số LN2402161811783 ngày 19-02-2024 08/5/2026 là 437.666.382 đồng (trong đó nợ gốc là 392.941.000 đồng và nợ lãi 44.725.328 đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ là: thửa đất số 29 tờ bản đồ số 23 tại xóm G, xã G, huyện G nay là xã G, tỉnh Ninh Bình. Tài sản trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ theo Hợp đồng thế chấp số 8842154 ngày 12-4-2023. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho V1 cho đến khi trả hết nợ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lài suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H1 phải nộp án phí là 21.506.000 đồng. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.474.000 đồng tại biên lai số 0003134 ngày 26-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thu Hiền